TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 – 12 – 2025
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải, bà Vi Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST–DS ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đ, thôn L, xã T, thành phố Hà Nội. Tạm trú tại: Tổ D, phường C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Bích L – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư niềm tin và công lý, Đoàn Luật sư tỉnh S. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ E Q, phường T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Bá T với chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1981) kết hôn ngày 06/11/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ở UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Nguyễn Bá A (sinh năm 2007) và Nguyễn Bá D (Sinh ngày: 28/10/2009). Anh chị chung sống hạnh phúc từ năm 2006 đến năm 2019 do mâu thuẫn vợ chồng, chị H bỏ nhà đi, không thông báo, không liên lạc gì với anh T, cũng không gửi tiền về

nuôi con. Cũng từ đó đến nay, anh T phải một mình nuôi con, chị H không quan tâm đến anh và các con.

Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T muốn ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống và chăm sóc con cái.

Về tài sản chung và nợ chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 106 (a), 106 (5) diện tích 100,00 m² đất thổ cư và 206,0 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại: HTX F, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 689795 do UBND huyện M cấp ngày 26/4/2010 mang tên vợ chồng, trên đất có nhà hai tầng xây dựng trên diện tích 85 m² đất, phía bên ngoài xây một xưởng lợp mái tôn. Nhà xây là từ tiền của hai vợ chồng cùng đóng góp. Anh T xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, đều có công đóng góp như nhau.

Những nội dung anh T đề nghị Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh T và chị H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, một con chung đã chết. Còn cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 28/10/2009, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ***Ngày 22/10/2025, anh Nguyễn Bá T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản*** Đề nghị Tòa án không giải quyết phần tài sản chung trong vụ án này. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về phần tài sản, tách nội dung này và người có yêu cầu liên quan đến tài sản chung, nợ chung thì làm thủ tục khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác theo quy định tại Điều 177 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về nợ chung: Không có, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hùng S là bố đẻ chị H đã giao nộp đơn đề nghị của chị H được cho là gửi từ Hàn Quốc về ngày 28/10/2025, thể hiện:

Chị H và anh T kết hôn với nhau từ năm 2006. Do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, đến năm 2014 chị H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc để kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình. Đến năm 2017 chị về phép thăm gia đình thì phát hiện anh T đã cặp bồ với người tên là H1. Anh T đã xin lỗi nên chị đã bỏ qua tất cả. Nhưng sau một thời gia anh T lại tái phạm lại cặp bồ với người tên là Thảo Hai người đang sinh sống với nhau như vợ chồng vì thế, anh T thường xuyên cáu gắt, mắng chửi .Đến nay, anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị H nhất trí với yêu cầu ly hôn của anh T nhưng với một điều kiện: Toàn bộ tài sản của vợ chồng sau khi trả nợ cho bố mẹ đẻ chị H số tiền là 812.000.000 đồng, số còn lại chia đôi mỗi người một nửa. Về con chung, vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 28/10/2009, nếu ở với chị H thì chị sẽ có trách

nhiệm nuôi cháu đến khi trưởng thành, nếu ở với anh T thì chị H sẽ hỗ trợ hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Chị H kê khai toàn bộ tài sản của vợ chồng: đất, nhà, ô tô, máy mài, máy tiện, máy cưa, máy khoan, máy hàn, bàn ghế gỗ. Một số đồ dùng như: Tivi, tủ lạnh, bình nóng lạnh, năng lượng mặt trời, bộ L1 nhạc tăng âm, kệ kê tivi, giường tủ và nhiều thứ giá trị nhỏ.

Đề nghị Tòa án xem xét đơn đề nghị để hai bên không bên nào bị thiệt hại về quyền lợi. Toàn bộ số tài sản đã qua sử dụng sẽ có khấu hao, nhưng dù giá trị như nào thì chị H vẫn có 50% giá trị tài sản, nếu hai vợ chồng không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện ở xa nên chị H ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hùng S, bà Nguyễn Thị B thay mặt giải quyết ly hôn và toàn bộ tài sản của vợ chồng.

Tại Đơn trình bày ý kiến và Biên bản ghi nguyện vọng của cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 28/10/2009, trình bày: Từ năm 2014, mẹ cháu là Nguyễn Thị H đã đi làm việc xa nhà, cháu sống với bố từ năm cháu 03 tuổi đến nay. Hiện nay cháu đang học lớp 11 tại Trường THPT C1. Vì vậy, nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì cháu mong muốn được tiếp tục ở với bố cháu là Nguyễn Bá T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Qua xác minh và làm việc đối với bà Nguyễn Thị B, Ông Nguyễn Hùng S (bố mẹ đẻ của chị H), thể hiện: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại: Tổ E Q, phường T, tỉnh Sơn La. Giữa anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H có mối quan hệ vợ chồng, sau khi kết hôn được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Hiện chị H đã xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc và từ năm bao nhiêu ông bà cũng không nhớ. Giữa bà và chị H vẫn liên lạc với nhau qua ứng dụng Zalo thường xuyên. Nhưng đối với địa chỉ hiện tại bên Hàn Quốc thì bà không nắm rõ. Các cuộc liên lạc hầu hết là do chị H chủ động gọi về cho bà những lúc rảnh và được nghỉ. Đến nay anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tài sản chung tôi có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân, do hai vợ chồng không còn chung sống và không còn tình cảm nên tôi hoàn toàn nhất trí để anh T và chị H tự giải quyết.

Về tài sản chung, hiện nay thửa đất mà hai vợ chồng tranh chấp thì tôi là người đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do hai vợ chồng đang nợ tôi một khoản 800.000.000 đồng. Khi hai vợ chồng giải quyết ly hôn và chia tài sản thì phải thanh toán khoản vay trên cho tôi. Sau đó hai vợ chồng có thể tự thỏa thuận giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2025, bà B đã được làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với nội dung cung cấp thông tin nơi ở của chị Nguyễn Thị H, tuy nhiên bà B chưa cung cấp được địa chỉ cụ thể. Ngày 29/10/2025 là buổi làm việc thứ hai với Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Mặc dù ông bà vẫn liên lạc được với chị H qua ứng dụng Zalo thường xuyên, nhưng chúng tôi vẫn không nắm rõ được địa chỉ

cụ thể hiện nay của chị H bên Hàn Quốc. Việc xin ly hôn của hai con gia đình không ý kiến, tuỳ hai vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2025 với bà Vũ Thị Minh C - Bí thư, Tổ trưởng tổ E Q, phường T, tỉnh Sơn La, thể hiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ E Q, phường T, tỉnh Sơn La. Chị H có cùng hộ khẩu với bố mẹ là bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Hùng S, tuy nhiên, chị H đã không chung sống trên địa bàn từ lâu. Qua nắm thông tin hiện nay thì chị H đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ngoài ra, bà C không có thông tin nào khác về chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La gửi Công văn số 1633/2025/CV-TA đến Phòng Q – Công an tỉnh S. Tại Công văn số 240/QLXNC-DD1 ngày 17/7/2025 trả lời: Đương sự đã được Cục Q1 – Bộ C2 cấp hộ chiếu số B6136487, ngày cấp 29/12/2011, xuất cảnh lần gần nhất qua cửa khẩu sân bay quốc tế N - Hà Nội ngày 28/02/2019, không có thông tin nhập cảnh. Chưa phát hiện có thông tin vi phạm pháp luật lĩnh vực xuất nhập cảnh.

Ngày 13/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã có Công văn số 2726/2025/CV-TA gửi Cục L2 - Bộ N1 và Công văn số 1727/2025/CV-TA gửi Cục Q2 ngoài nước – Bộ N2 về việc phối hợp xác minh, tra cứu và cung cấp thông tin người lao động Việt Nam ở Hàn Quốc.

Ngày 29/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được Công văn số 1138/CQLLĐNN-KTGQKNTC, ngày 26/8/2025 của Cục Q2 ngoài nước – Bộ N2 trả lời: Qua rà soát trên hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp động tại Cục Q2 ngoài nước, không có thông tin về người lao động có tên Nguyễn Thị H *(Sinh ngày 22/10/1981; số định danh cá nhân 035181009920; số hộ chiếu B6136487; nơi đăng ký thường trú: Tổ E, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La)* nêu tại Công văn số 1727/2025/CV-TA ngày 23/8/2025.

****Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/12/2025:***

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tòa án đã giải quyết đúng thẩm quyền; từ năm 2019 chị H đã không còn quan tâm, chăm sóc quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Trọng để ổn định cuộc sống 2 bên; Giao con cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xác định từ năm 2019 anh T và chị H đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, quan hệ vợ chồng; Việc xin ly hôn của anh T là có căn cứ; Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, đề nghị Tòa án xử cho anh T ly hôn với chị H.

Về con chung: Xử cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Bá D đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 22/10/2025 anh T đã đề nghị rút phần yêu cầu khởi kiện này, ông bà Sơn Biên không có yêu cầu độc lập, không có căn cứ để giải quyết. Đề nghị: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Bá Trọng P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

**** Về tố tụng:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Bá T có yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Bị đơn chị H có hộ khẩu thường trú tại tổ E Q, phường T, tỉnh Sơn La. đã xuất cảnh ngày 28/02/2019 và không có thông tin nhập cảnh trở lại theo Công văn số 240/QLXNC-Đ1 ngày 17/7/2025 của Phòng Q Công an tỉnh S; Gia đình xác nhận bị đơn đã xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý và giải quyết, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Xin ly hôn*" có yếu tố nước ngoài là đúng quy định, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 464; Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Xác định bị đơn chị Nguyễn Thị H đã xuất cảnh ngày 28/02/2019 và không có thông tin nhập cảnh trở lại; Gia đình bị đơn xác nhận có liên lạc thường xuyên qua Z nhưng không biết địa chỉ cụ thể của chị H tại Hàn Quốc; Cục Q2 ngoài nước – Bộ N2 xác định không có thông tin theo các dữ liệu quản lý.

Từ căn cứ trên xác định chị H là người không rõ nơi cư trú.

Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn theo Điều 179; Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, bảo đảm quyền quyền tham gia tố tụng của bị đơn. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt chị H theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về phạm vi giải quyết: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con và ngày 22/10/2025 anh T rút yêu cầu chia tài sản. Việc rút yêu cầu của anh T là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần tranh chấp tài sản.

Đối với đơn đề nghị của chị H (gửi từ Hàn Quốc ngày 28/10/2025) nhất trí ly hôn, nuôi con; yêu cầu chia tài sản, đây không phải là yêu cầu phản tố theo Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự (do chị H không nộp đơn hợp lệ, không thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí - lệ phí và không cung cấp địa chỉ rõ ràng để tham gia tố tụng). Hội đồng xét xử xác định đây chỉ là ý kiến của chị H. Thể hiện bị đơn không hoàn toàn mất liên lạc, biết về việc xin ly hôn của anh T.

**** Về nội dung:***

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 06/11/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Căn cứ hồ sơ vụ án: Từ năm 2014 chị H đi lao động tại Hàn Quốc và không chung sống với chồng con; Từ năm 2019 anh T và chị H không còn liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau; Cháu Nguyễn Bá D xác nhận sống cùng bố từ nhỏ; Việc đoàn tụ không còn khả năng do hai bên đều xác định tình cảm không còn; chị H gửi đơn từ Hàn Quốc thể hiện việc đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đời sống chung giữa anh T và chị H đã chấm dứt thực tế từ lâu, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình sinh sống anh T, chị H có 02 con chung, một cháu đã mất, còn cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 28/10/2009. Theo nguyện vọng của cháu D muốn ở với bố vì được chăm sóc, ổn định việc học. Hiện nay cháu đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc con. Căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, việc giao

con phải đảm bảo lợi ích mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu D cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu và đảm bảo sự ổn định của cháu.

Về cấp dưỡng: Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nợ chung:

Anh Nguyễn Bá T trình bày vợ chồng không có khoản nợ chung nào và không yêu cầu Tòa án xem xét. Trong đơn chị H thể hiện: Sau khi hai bên thanh toán khoản nợ cho bố mẹ đẻ chị H với số tiền 812.000.000 đồng, phần tài sản còn lại đề nghị chia đôi. Đồng thời, bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ chị H trình bày: Vợ chồng anh T, chị H đang nợ vợ chồng bà khoản tiền 800.000.000 đồng, hiện nay bà đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng để đảm bảo cho khoản nợ này.

Tuy nhiên, ông bà S không có Đơn yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không cung cấp giấy tờ nào chứng minh khoản vay. Việc bà B giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không làm phát sinh hoặc xác lập quan hệ nghĩa vụ tài sản trong vụ án này khi không có căn cứ chứng minh khoản vay thực tế. Đồng thời chị H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có việc vay nợ nói trên. Mặt khác, anh T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện liên quan đến tài sản chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Về phần tài sản, chị H chỉ liệt kê, không có tài liệu, căn cứ chứng minh; không có giấy tờ, hóa đơn, đăng ký xe, về nguồn gốc hình thành công sức tạo lập, tài sản đang ở đâu, giá trị khấu hao, không có kết luận thẩm định, định giá, không đối chất được do chị H không có mặt; ý kiến không rõ ràng về giải quyết nợ chung, nợ riêng.

Đối với ý kiến của ông S, bà B, anh T, chị H còn mâu thuẫn, số nợ chưa có căn cứ được chứng minh, do các bên liên quan không có đơn yêu cầu độc lập và nguyên đơn đã rút yêu cầu về tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết nội dung trên trong vụ án ly hôn này.

Giành quyền giải quyết về tài sản cho các đương sự khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí:

Anh Nguyễn Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Yêu cầu chia tài sản của anh T bị đình chỉ do anh T rút yêu cầu, nên anh Nguyễn Bá T được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 464, Điều 469, Điều 474, Điều 476, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Nguyễn Bá T. Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Bá D, sinh ngày 28/10/2025 cho anh Nguyễn Bá T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Bá D trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T về việc: Đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 106 (a), 106 (5) diện tích 100,0 m² đất thổ cư và 206,0 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại: HTX F, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 689795 do UBND huyện M cấp ngày 26/4/2010 mang tên anh Nguyễn Bá T, chị Nguyễn Thị H. Trên đất có ngôi nhà hai tầng xây dựng trên diện tích 85 m² đất, phía bên ngoài xây một xưởng lợp mái tôn.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002649 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/12/2025).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1 – VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Tam Hưng, TP. Hà Nội và UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La (để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Phòng GĐ, TT, KT - THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mai Lan